TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2020
V/v Ly hôn giữa chị T và anh M.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Hải
2. Ông Nguyễn Văn Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1990; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

Bị đơn: Anh Lương Văn M, sinh năm 1985; Trú tại: Ấp Thạnh Lợi, xã Trung An, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Anh T trình bày: Vào khoảng năm 2009, do quen biết, tìm hiểu, chị và anh Lương Văn M tự nguyện tiến tới hôn nhân, không có tổ chức đám cưới theo phong tục và không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M có quen với người phụ nữ khác bên ngoài, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh M không thay đổi dẫn đến cự cải nhau. Từ đó, tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân từ tháng 04/2019 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nên chị T xin được ly hôn với anh M.

Về con chung: Có 02 con chung: Cháu Lương Thị Ngọc P, sinh ngày

23/9/2011 và cháu Lương Thị Ngọc M, sinh ngày 23/12/2012. Chị T yêu cầu được giành quyền nuôi 02 cháu cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Tại tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lương Văn M trình bày: Anh M thống nhất lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Qua yêu cầu xin ly hôn của chị T, anh M đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh M đồng ý giao hai cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của các đương sự thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng*: Bị đơn anh Lương Văn M vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của chị T và anh M được xác lập trên cơ sở tự nguyện nhưng quá trình chung sống vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, xác định hôn nhân giữa chị T và anh M là không hợp pháp. Vợ chồng xác định thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M có quen với người phụ nữa khác, chị T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh M không thay đổi dẫn đến nhiều lần cự cải nhau. Từ đó, tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân. Thời gian sống ly thân, vợ chồng xác định không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh M thống nhất thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, chị T và anh M đã chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tuyên bố không công nhận chị T và anh M là vợ chồng.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Có 02 con chung: Cháu Lương Thị Ngọc P sinh ngày 23/9/2011 và cháu Lương Thị Ngọc M, sinh ngày 23/12/2012. Quá trình giải quyết vụ án, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi hai cháu cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Anh M cũng thống nhất giao hai cháu cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy: Đây là sự tự nguyện của các đượng sự, không trái với pháp luật, đạo đức xã hội nên ghi nhận. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị T và anh M xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] N*ghĩa vụ chung*: Chị T và anh M xác định không có.

[3] *Án phí*: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Nguyễn Thị Anh T và anh Lương Văn M là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Lương Thị Ngọc P sinh ngày 23/9/2011 và cháu Lương Thị Ngọc M, sinh ngày 23/12/2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh M không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh M không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom đối với anh M.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. *Về chia tài sản chung*: Chị T và anh M xác định không có.

4. *Về nghĩa vụ chung*: Chị T và anh M xác định không có.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Anh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 012864 ngày 09 tháng 12 năm 2019 thành tiền án phí. Công nhận chị T đã nộp xong.

6. *Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn*.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể

từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng